TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 26/7/2017
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Giang Thị Cẩm Thúy**

*Các Hội thẩm nhân dân:*
**1. Ông Nguyễn Thành Nhạn**
**2. Ông Nguyễn Thanh Hồng**

***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa***: Bà **Quách Thị Hồng Chuyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXX - ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh B.

2. *Bị đơn*: Anh **Lê Văn V**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp M, xã P, thị xã G, tỉnh B.

Nơi cư trú hiện nay: Ấp B, xã L, thị xã G, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa do có đơn xin xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại các biên bản và tại phiên tòa chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn V chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 20/9/2012, có 01 con chung tên Lê Lam T sinh ngày 14/6/2015 đang sống với anh V. Chị yêu cầu ly hôn với anh V do vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường hay cải vả lẫn nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị đã chủ động sống ly thân 12/2016 cho đến nay. Về con chung chị đồng ý giao anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị xin tạm miễn việc cấp dưỡng

nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Văn V trình bày tại biên bản lấy lời khai: Anh cũng thống nhất với chị T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung. Về hôn nhân anh không đồng ý với yêu cầu của chị T nhưng chị T đã cương quyết thì anh cũng đồng ý ly hôn chị T. Anh chị đã ly thân từ tháng 12/2016 đến nay. Về con chung anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung vợ chồng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V có đơn đề ngày 27/6/2017 yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh theo ý kiến anh đã trình bày.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự thì có sự thống nhất cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh V thống nhất chung sống từ năm 2011, có đăng ký kết hôn số 188 ngày 20/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P.

Về con chung: Chị T và anh V thống nhất giao con chung Lê Lam T sinh ngày 14/6/2015 cho anh V nuôi dưỡng, giáo dục; chị T xin được tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể: Về hôn nhân là chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh V; về việc nuôi con là giao anh V tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Lam T sinh ngày 14/6/2015, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T; về tài sản và nợ chung các bên thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Lê Văn V trình bày thống nhất về thời gian chung sống là từ năm 2011, có đăng ký kết hôn số 188 ngày 20/9/2012 tại UBND xã P. Như vậy hôn nhân giữa anh V, chị T là hợp pháp và đúng với quy định của luật Hôn nhân và gia đình và được pháp luật bảo vệ. Tại đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh V do vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn thường hay cải vả lẫn nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, chị đã chủ động ly thân từ tháng 12/2016 đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2017 anh V thể hiện ý kiến là không đồng ý ly hôn chị T nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh thống nhất ly hôn chị T, anh xác định hai người đã ly thân từ tháng 12/2016, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh vì anh bận công việc gia đình không đến Tòa án tham dự các buổi làm việc cũng như tham dự phiên tòa được. Xét đơn xin vắng mặt của anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận và HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh V. HĐXX xét thấy phần trình bày của các bên đã thống nhất được việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng không còn chung sống với nhau là từ tháng 12/2016 và đã thống nhất việc ly hôn trong trường hợp chị T cương quyết ly hôn. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh V, do đó HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh V.

[2] Việc nuôi con: Các bên xác định có 01 con chung tên Lê Lam T sinh ngày 14/6/2015, con đang sống với anh V. Chị T đồng ý giao con cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng và xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con. Anh V yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy chị T và anh V đã thống nhất được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, sự thống nhất này phù hợp với quy định tại điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận: Giao anh Lê Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Lam T sinh ngày 14/6/2015, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Trường hợp sau khi ly hôn anh V nuôi con không tốt, không đảm bảo về sự phát triển của con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh V thống nhất không không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là có căn cứ và phù hợp nên HĐXX ghi nhận.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị T phải nộp 300.000đ, chị đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0008689 ngày 02/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí. Anh V không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T đối với anh Lê Văn V.

2. Về nuôi con: Giao con chung tên Lê Lam T, sinh ngày 14/6/2015 cho anh Lê Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Đặng Thị T. Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị T phải nộp 300.000đ, chị đã dự nộp 300.000đ lai thu số 0008689 ngày 02/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí. Anh Lê Văn V không phải nộp án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THA thị xã Giá Rai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Giang Thị Cẩm Thúy**